

Bản án số: 30a/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 09-9-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Chung
2. Ông Lã Văn Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

**- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:**  
Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên;

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25/8/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Ngọc Thị L**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Ma Văn D**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Ngọc Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Ma Văn D vào năm 2013, trước khi cưới có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, tự nguyện thỏa thuận kết hôn, không bị ai cưỡng

ép, lừa dối. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Trạch, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 09/7/2013. Sau khi kết hôn, chị và anh D ở nhà mẹ đẻ chị tại thôn T, xã L, huyện Sơn Động. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng từ năm 2019, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau. Anh D tự ý bỏ đi làm ăn xa, mỗi người làm ở một nơi, chỉ thỉnh thoảng mới liên lạc qua điện thoại để gặp con, chị hỏi nhưng anh D không nói làm ăn ở đâu, chị và anh D đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh D được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Ma Tiến D, sinh ngày 15/9/2013. Hiện cháu D đang ở cùng với chị. Vợ chồng ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

2. Bị đơn là anh Ma Văn D đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã L, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; anh D vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng không cung cấp thông tin địa chỉ chỗ ở. Khi đi khỏi địa phương không khai báo với chính quyền địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D không cung cấp ý kiến bằng văn bản, cũng không chấp hành đến Tòa án làm việc. Tòa án đã nhiều lần đến nơi ở của anh D để lấy lời khai nhưng không gặp anh D. Do vậy Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của anh D.

3. Cháu Ma Tiến D trình bày: Cháu là con của bố Ma Văn D và mẹ Ngọc Thị L, hiện cháu đang ở cùng mẹ. Bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là xin được ở cùng với mẹ.

5. Đại D Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành tốt và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định. Anh Ma Văn D là bị đơn không cung cấp lời khai, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt anh D là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Cho ly hôn giữa chị Ngọc Thị L và anh Ma Văn D, giao cháu Ma Tiến D, sinh ngày 15/9/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con; không đặt ra xem xét, giải quyết quan hệ về tài sản; Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ngọc Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn anh Ma Văn D, có địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Ma Văn D hiện vắng mặt tại nơi cư trú, mặc dù vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ chỗ ở, trước khi đi khỏi địa phương, anh D không khai báo với chính quyền địa phương; như vậy, anh D thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh D là đúng quy định của pháp luật. Do anh D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngọc Thị L và anh Ma Văn D kết hôn với nhau tuân theo các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 – Luật Hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Trạch, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 09/7/2013. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D là hợp pháp; nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi dưỡng con chung, Tòa án thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L yêu cầu ly hôn anh D với lý do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau, chị xác định vợ

chồng đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Anh D đã được chị L gửi đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo, được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không cung cấp ý kiến cho Tòa án.

Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy, những tình tiết, sự kiện mà chị L đưa ra, anh D không có ý kiến phản đối nên chị L không có nghĩa vụ phải chứng minh.

Lời khai của chị L cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Có cơ sở khẳng định giữa chị L và anh D có xảy ra mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống cùng nhau.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau...”*

Xét thấy, chị L và anh D sống ly thân nhau đã lâu, cả hai đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ chung sống với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh D có một con chung là cháu Ma Tiến D, sinh ngày 15/9/2013, hiện cháu đang ở cùng chị L. Chị L có nguyện vọng được nuôi cháu D, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị L đã có chỗ ở ổn định, hiện đang làm công nhân chăn nuôi ở gần nhà, mức thu nhập bình quân 1 tháng là 7.000.000đ, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Anh D bỏ đi làm ăn ít khi về nhà, anh D làm gì, ở đâu không ai biết nên không xác định được mức thu nhập, anh D cũng không chu cấp tiền để nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Tiến D để đảm bảo cho cháu D có điều kiện phát triển tốt nhất.

[4] Về án phí: Chị L yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn. Do chị L là thành viên hộ nghèo nên được miễn án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Ngọc Thị L và anh Ma Văn D.

**2. Về con chung:** Giao cho chị Ngọc Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ma Tiến D, sinh ngày 15/9/2013.

Anh Ma Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ma Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Ngọc Thị L.

Đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*\* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKSND huyện SD
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND xã Yên Trạch,
- H. Phú Lương, T. Thái Nguyên
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Hằng**